

Số /ĐA-SNNMT

Hà Tĩnh, ngày tháng 4 năm 2026

## ĐỀ ÁN

### SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ HÈ THU NĂM 2026

#### Phần thứ nhất

#### KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2025

##### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh diễn ra trong điều kiện thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài đầu vụ kết hợp với mưa lớn, dông lốc và các cơn bão mạnh cuối vụ đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ quá trình sản xuất. Đầu vụ Hè Thu thời tiết nắng nóng, mưa xen kẽ làm chậm tiến độ, kết quả sản xuất cây trồng cạn, các đối tượng dịch hại (sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu,...) bùng phát gây hại trên diện rộng; đặc biệt vào cuối vụ Hè Thu, chịu ảnh hưởng liên tiếp của các cơn bão mạnh số 5, số 6, số 10 và các đợt mưa lớn, gây ngập úng diện rộng, nhiều vùng bị ngập sâu trong thời gian dài. Tổng diện tích cây trồng bị thiệt hại lên đến 33.831,5 ha, bao gồm lúa, ngô, rau màu, cây công nghiệp và cây ăn quả, trong đó diện tích thiệt hại nặng trên 70% chiếm tỷ lệ lớn (15.541,37 ha), nhiều diện tích bị mất trắng. Năng suất và sản lượng các loại cây trồng giảm mạnh so với kế hoạch đề ra, gây thiệt hại lớn về kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người dân.

##### II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

###### 1. Về công tác chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành

Ngày 8/5/2025, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị triển khai Đề án sản xuất vụ Hè Thu năm 2025 (số 256/ĐA-SNNMT ngày 29/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường).

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành 02 Chỉ thị<sup>1</sup>, UBND tỉnh ban hành 01 Chỉ thị và 04 Công điện<sup>2</sup>, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành 6 văn bản<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Chỉ thị số 58-CT/TU ngày 3/6/2025 về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu năm 2025; Chỉ thị số 60-CT/TU ngày 1/8/2025 về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi vụ Hè Thu 2025;

<sup>2</sup> Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 3/6/2025; Công điện số 16/CĐ-UBND ngày 7/7/2025 về việc triển khai các biện pháp khẩn cấp phòng trừ dịch hại trên cây trồng vụ Hè Thu 2025; Công điện số 21/CĐ-UBND ngày 3/8/2025; Công điện số 29/CĐ-UBND ngày 26/8/2025; Công điện số 32/CĐ-UBND ngày 27/8/2025 về việc tiếp tục tập trung khắc phục hậu quả bão số 5 và mưa lũ.

3 Văn bản số 2562/SNNMT-TTCN ngày 5/6/2025; văn bản số 2566/SNNMT-TTCN ngày 5/6/2025; số 2948/SNNMT-TTCN ngày 17/6/2025; văn bản số 3153/SNNMT-TTCN ngày 24/6/2025; văn bản số

về chỉ đạo chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại cây trồng vụ Hè Thu và ứng phó, khắc phục hậu quả bão số 5 và mưa lũ.

Các địa phương đã kịp thời ban hành Đề án, Kế hoạch sản xuất cụ thể và tổ chức, triển khai, đồng thời chỉ đạo thực hiện ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phòng trừ dịch hại và ứng phó với thiên tai.

## 2. Về thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch

Vụ Hè thu 2025 diện tích sản xuất các loại cây trồng cơ bản đạt kế hoạch đề ra, tổng diện tích gieo trồng 54.579ha/55.303ha KH, đạt 98,69% KH. Tuy nhiên, diện tích cho thu hoạch, năng suất, sản lượng các loại cây trồng giảm mạnh. Sản lượng các loại cây trồng đạt 58,65% so với kế hoạch, đạt 59,19% so với cùng kỳ, cụ thể:

- **Cây lúa:** Diện tích sản xuất 45.476 ha/45.170 ha đạt 100,7% KH; Năng suất 27,53 tạ/ha, đạt 52,63% KH, bằng 52,6% so với cùng kỳ; sản lượng 125.193 tấn, đạt 53% kế hoạch, bằng 52,91% so với cùng kỳ. Là năm có năng suất, sản lượng lúa vụ Hè thu đạt thấp do ảnh hưởng các cơn bão số 5, số 6 làm diện tích bị thiệt hại chiếm 68,34% diện tích gieo cấy, trong đó thiệt hại trên 70% là 15.541,37ha, chiếm 34,18% diện tích; thiệt hại từ 30-70% là 15.535ha, chiếm 34,16% diện tích.

- **Cây ngô:** Diện tích 2.364 ha/2.520 ha đạt 93,81% KH; Năng suất đạt 43,78 tạ/ha, đạt 95,87% KH, bằng 97,86% so với cùng kỳ; Sản lượng đạt 10.348 tấn, đạt 89,91% KH, bằng 96,01% so với cùng kỳ.

- **Đậu các loại:** Diện tích 2.156 ha/2884 ha đạt 74,76% KH; Năng suất 9,31 tạ/ha, đạt 93,12% KH, bằng 91,65% so với cùng kỳ; Sản lượng 2.007 tấn, đạt 69,64% KH, bằng 91,86% so với cùng kỳ.

- **Rau các loại:** Diện tích 2.952 ha/2.962 ha đạt 99,67% KH; Năng suất 74,13 tạ/ha, đạt 94,79% KH, bằng 97,42% so với cùng kỳ; Sản lượng 21.883 tấn, đạt 94,47% KH, bằng 96,14% so với cùng kỳ.

- **Khoai lang:** Diện tích 505 ha/569 ha đạt 88,76% KH; năng suất 61,37 tạ/ha, đạt 93,48% KH, bằng 98,31% so với cùng kỳ; Sản lượng 3.099 tấn, đạt 82,95% KH, bằng 88,78% so với cùng kỳ.

- **Cây vừng:** Diện tích 754 ha/824 ha đạt 91,51% KH; Năng suất 7,41 tạ/ha, đạt 90,7% KH, bằng 96,24% so với cùng kỳ; Sản lượng 558,7 tấn, đạt 83,02% KH, bằng 90,56% so với cùng kỳ.

- **Cây lạc:** Diện tích 372 ha/374 ha đạt 99,47% KH; năng suất 17,93 tạ/ha, đạt 85,3% KH, bằng 105,4% so với cùng kỳ; Sản lượng 668 tấn, đạt 84,99% KH, bằng 106,04% so với cùng kỳ.

(Chi tiết có phụ lục 01, 02, 03 kèm theo).

### **3. Đánh giá về thực hiện lịch thời vụ và cơ cấu giống**

**3.1 Thời vụ:** Vụ Hè thu năm 2025 cơ bản các xã, phường đều bố trí gieo cấy lúa đảm bảo thời vụ theo từng vùng đất (vùng Hè thu chạy lụt thu hoạch trước 30/8), cụ thể: Lúa Hè Thu cơ bản kết thúc gieo cấy trước 15/6/2025, cá biệt một số vùng kết thúc sản xuất sau ngày 15/6/2025, do ảnh hưởng của mưa lớn vào ngày 24-25/5/2025 làm hơn 2.250ha lúa vụ Xuân bị ngập, thu hoạch chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất vụ Hè thu. Thời gian trở bắt đầu từ ngày 4/8/2025; trở tập trung từ ngày 12-20/8/2025, kết thúc trước ngày 22/8/2025. Bắt đầu thu hoạch lúa từ ngày 24/8/2025 (Đức Thọ, Yên Hòa, Đồng Tiến...), tuy nhiên do ảnh hưởng của cơn bão số 5 (từ ngày 25-26/8/2025), cơn bão số 6 (từ ngày 29-30/8/2025) làm 30.966,21 ha lúa bị ngập, kéo dài thời gian thu hoạch, tập trung từ ngày 10-20/9/2025 (90% diện tích), hoàn thành trước ngày 23/9/2025.

#### **3.2. Cơ cấu giống lúa:**

- Cơ cấu giống lúa vụ Hè Thu năm 2025 cơ bản được bố trí hợp lý, trong đó chủ yếu sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng dưới 110 ngày. Việc lựa chọn nhóm giống ngắn ngày đã góp phần rút ngắn thời gian sản xuất, đảm bảo khung lịch thời vụ, chủ động hơn trong việc né tránh và giảm thiểu tác động của thiên tai cuối vụ.

- Về diện tích sản xuất theo các nhóm giống: Nhóm giống lúa đại trà: 43.706 ha chiếm 96,11% tổng diện tích; nhóm giống thích ứng tiếp tục mở rộng diện tích: 585 ha chiếm 1,29% diện tích, gồm 9 giống; nhóm giống đặc thù: 177 ha, chiếm 0,39% tổng diện tích; nhóm giống khác: 253 ha, chiếm 0,56% tổng diện tích; khảo nghiệm sản xuất và trình diễn 14 ha. Như vậy, cơ bản các giống được sản xuất theo đúng cơ cấu giống của tỉnh, tuy nhiên vẫn còn một số giống ngoài cơ cấu với diện tích 742 ha, chiếm 1,64% tổng diện tích (TH3-3, Nếp 97, VT404, ĐT09, ĐB6, ĐT37, VTNA2).

- Diện tích lúa sản xuất các giống chất lượng (Nếp 98, Nếp 87, RVT, Bắc Thịnh, HN6, BT09, ADI 168, PC6, Hương Bình, Hana số 7...) là 28.887 ha, chiếm 63,5% tổng diện tích, một số địa phương có diện tích nhiều (chiếm trên 70%) như các xã: Can Lộc, Đức Thịnh, phường Hà Huy Tập, Xuân Lộc, Tùng Lộc, Gia Hanh, Hồng Lộc, Toàn Lưu, Cẩm Hưng...

- Vụ Hè Thu, việc sử dụng giống lúa cấp xác nhận còn hạn chế, với số lượng khoảng hơn 200 tấn, tương ứng diện tích gieo cấy khoảng 3.500 ha (chiếm 7,7% tổng diện tích sản xuất), cho thấy tỷ lệ áp dụng giống đảm bảo chất lượng chưa cao; phần lớn diện tích vẫn do người dân chủ động sử dụng giống tự để lại từ vụ Xuân dẫn đến tình trạng suy thoái giống, lẫn tạp và ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất.

### **4. Công tác quản lý vật tư nông nghiệp**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 397 cơ sở buôn bán thuốc BVTV, 795 cơ sở buôn bán phân bón, 35 doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh giống lúa. Đầu vụ, Sở

Nông nghiệp và Môi trường thành lập các đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các cơ sở buôn bán trên địa bàn; kiểm tra công tác triển khai nhiệm vụ quản lý chất lượng hàng hóa vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

Vụ Hè Thu 2025, Đoàn kiểm tra tiến hành Kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về sản xuất kinh doanh VTNN tại 38 cơ sở sản xuất kinh doanh giống, VTNN trên địa bàn toàn tỉnh; qua kiểm tra có 37/38 cơ sở đáp ứng các điều kiện sản xuất kinh doanh, hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, nguồn gốc xuất xứ các lô giống, VTNN; 01 cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật (thuốc diệt chuột) không nằm trong danh mục lưu hành<sup>4</sup> đã bàn giao vụ việc cho UBND xã hoàn thiện hồ sơ, thủ tục xử lý vi phạm theo quy định. Lấy 28 mẫu VTNN để kiểm tra chất lượng (gồm: 17 mẫu giống lúa và 11 mẫu phân bón). Kết quả kiểm nghiệm có 17/17 mẫu giống lúa đảm bảo chất lượng theo QCVN (QCVN 01-54:2011 lúa thuần, QCVN 01-51:2011 lúa lai 2 dòng); 11 mẫu phân bón đạt chất lượng công bố. Đoàn đã thông báo kết quả đến các địa phương và cơ sở để tuyên truyền cho người dân yên tâm sản xuất; phát hiện 8/15 cơ sở có kinh doanh giống lúa không nằm trong cơ cấu sản xuất vụ Hè thu 2025 (Hạt Ngọc 9, Nếp N97, Thiên Hương 6, VTNA2, Dự Hương 8...). Tổ chức tập huấn, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh với gần 400 lượt người tham gia, cấp phát hơn 20.000 tờ rơi về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định; phối hợp với các công ty cung ứng phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn tổ chức tập huấn hướng dẫn về sử dụng phân bón, thuốc BVTV an toàn, hiệu quả cho người dân.

## **5. Công tác bảo vệ thực vật**

### ***5.1. Diễn biến các đối tượng dịch hại trên cây trồng***

Vụ Hè Thu 2025, các đối tượng dịch hại phát sinh bất thường, không theo quy luật; gây hại với mức độ mạnh, diện phân bố rộng ngay từ đầu vụ sản xuất, diễn biến cụ thể các đối tượng dịch hại như sau:

- Trên cây lúa

+ Sâu cuốn lá: Phát sinh gây hại 3 lúa (lúa 1 xuất hiện từ trung tuần tháng 6/2025, lúa 2 từ ngày 10/7/2025, sâu non lúa 3 ra rộ từ ngày 8/8/2025), diện tích nhiễm hơn 11.500ha, phát sinh gây hại hầu hết các địa phương trong tỉnh, diện tích phòng trừ hơn 10.000ha.

+ Rầy nâu: Bắt đầu xuất hiện và gây hại từ cuối tháng 6/2025 (lúa 1), tại xã Thạch Lạc, Phường Hà Huy Tập, Xuân Lộc, Gia Hanh,...Rầy lúa 2, lúa 3 tiếp tục gây hại tại nhiều địa phương (Gia Hanh, Xuân Lộc, Can Lộc, Cẩm Hưng, Thiên Cẩm, Cẩm Xuyên, Bắc Hồng Lĩnh, Nam Hồng Lĩnh, Thạch Xuân, Toàn Lưu, Đức Thịnh, Đức Thọ, Đức Quang,...), diện tích Rầy gây hại trong vụ Hè Thu gần 1.300ha, trong đó một số diện tích có mật độ cao, rầy gây hại nặng

<sup>4</sup> tại hộ kinh doanh Văn Thị Thương, xã Châu Bình huyện Hương Sơn

(125ha nhiễm nặng); diện tích phòng trừ hơn 2.000ha.

+ Bệnh khô vằn: Phát sinh gây hại trên một số diện tích gieo cây dày, bón thừa đạm, phân bố hầu hết các địa phương,...diện tích nhiễm 6.480ha, nhiễm nặng 700ha, diện tích phòng trừ hơn 7.000ha.

- Cây trồng cạn, cây ăn quả: Các đối tượng dịch hại phát sinh gây hại với mức độ trung bình so với những năm gần đây, ít ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển và năng suất cây trồng, các đối tượng dịch hại và diện tích nhiễm như: sâu Keo mùa thu, sâu Cắn lá gây hại trên ngô, diện tích nhiễm 38 ha; Sâu đục quả gây hại trên cây đậu xanh, diện tích nhiễm 17 ha; Nhện, bệnh Nứt thân xì mủ, Ruồi đục quả phát sinh gây hại trên các vườn cây ăn quả, nhất là các vườn cây ăn quả lâu năm, chăm sóc kém ở Vũ Quang, Hương Sơn, Phúc Trạch, Hương Đô,... diện tích nhiễm 80 ha;

Châu chấu tre: Trưởng thành Châu chấu tre xuất hiện từ giữa tháng 6/2025 tại khu vực các rừng phòng hộ Kẽ Gỗ, vùng ven rừng,... di chuyển, phát tán gây hại trên ngô, cỏ lau, mía và một số cây trồng cạn ở xã Cẩm Duệ, Cẩm Hưng, Cẩm Lạc,...diện tích gây hại 10ha.

### **5.2. Công tác dự tính dự báo và các giải pháp đã triển khai**

Từ đầu vụ sản xuất, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi phân công cán bộ, bám sát đồng ruộng, thực hiện công tác điều tra, giám sát, dự tính dự báo, phối hợp chặt chẽ với các địa phương chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng trừ kịp thời.

Thành lập các Tổ công tác về hợp với từng thôn, khối phố để triển khai, hướng dẫn các biện pháp phòng, trừ cụ thể và hướng dẫn, tuyên truyền bà con nông dân phun phòng, trừ dịch hại; thực hiện ký cam kết chịu trách nhiệm nếu bị thiệt hại đối với các hộ không chấp hành, thực hiện theo hướng dẫn của địa phương, cán bộ chuyên môn; phân bổ cho các địa phương hơn 20.000 tờ rơi hướng dẫn phòng, trừ dịch hại trên cây trồng.

### **6. Công tác về thủy lợi**

Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và các Công ty TNHH MTV Thủy lợi, phối hợp với các địa phương thực hiện tốt công tác tưới tiêu, điều tiết nước kịp thời, hợp lý đảm bảo phục vụ sản xuất. Tổng diện tích tưới các cây trồng vụ Hè thu năm 2025 là 49.638 ha/50.103 ha đạt 99% KH (lúa 44.705 ha, cây trồng cạn 4.933ha).

### **7. Ứng dụng khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất**

- Sản xuất nông nghiệp an toàn: Sản xuất vụ Hè thu 2025 trên địa bàn tỉnh được cấp giấy chứng nhận VietGAP còn hiệu lực là 1.092,54/106 cơ sở, gồm: Cam 297,5 ha/49 cơ sở; bưởi 46,35 ha/6 cơ sở; vườn ăn quả hỗn hợp 22,1 ha/3 cơ sở; rau 37,51 ha/15 cơ sở; lúa 577 ha/27 cơ sở, chè 59,44 ha/3 cơ sở, sen 28 ha/1 cơ sở. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay còn 341,2ha/23 cơ sở có Giấy chứng nhận còn hiệu lực (Cây lúa 152,5ha/8 cơ sở; rau (4,2ha/2 cơ sở; cây ăn quả 45,15ha/5 cơ sở; cây chè 80,64ha/4 cơ sở; cây sen 33,05ha/1 cơ sở; cây lạc

15,86ha/2 cơ sở; cây hỗn hợp 9,76ha/1 cơ sở).

- Sản xuất hữu cơ: Tổng diện tích được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ trồng trọt theo TCVN 11041-2:2018 sản xuất trong vụ Hè Thu 2025 là 87,52 ha/15 cơ sở, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay còn 11 ha/3 cơ sở có Giấy chứng nhận còn hiệu lực (Cây lúa 5 ha, cây cam 3 ha, cây bưởi 4 ha).

- Diện tích sản xuất trong nhà lưới, nhà màng là 166.776 m<sup>2</sup> tại 228 cơ sở, trồng các loại cây có giá trị cao như dưa chuột, dưa lưới (TL3), dưa vàng (HL1, Kim cô nương, Hoàng kim). Tỷ lệ cơ giới hóa trong lĩnh vực trồng trọt đạt cao, như khâu làm đất đối với cây lúa đạt 98,7%, cây trồng cạn đạt 90,8%; khâu thu hoạch lúa đạt 98,5%; nhiều máy móc, thiết bị được sử dụng rộng rãi trong sản xuất (như máy bay không người lái trong phun thuốc phòng, trừ sâu, máy thu gom, máy cuốn rơm rạ...).

- Xây dựng các mô hình sản xuất:

+ Vụ Hè Thu 2025 triển khai các mô hình sản xuất khảo nghiệm các giống lúa mới nhằm đánh giá tính thích ứng để nhân rộng, từng bước đưa vào cơ cấu sản xuất, gồm: giống lúa Tẻ nương Hà Giang tại xã Cẩm Bình, Can Lộc; giống lúa TBR92 tại xã Đức Đồng; giống VN10 tại xã Đức Thọ... bước đầu đánh giá các giống nhiễm nhẹ một số đối tượng sâu bệnh Sâu cuốn lá, đóm nâu, khô vằn. Tuy nhiên, do ảnh hưởng các cơn bão số 5, số 6, các diện tích lúa khảo nghiệm bị ngập úng nên chưa đánh giá được năng suất, sản lượng.

+ Triển khai thực hiện thí điểm chương trình tạo tín chỉ carbon trong sản xuất lúa tại xã Thiên Cầm với quy mô 242 ha, kết quả bước đầu tích cực, như tiết kiệm nước, hạn chế sâu bệnh, giảm phát thải, lượng giảm phát thải ruộng lúa tưới ngập khô xen kẽ so với ruộng tưới liên tục là 49,1%.

+ Trung tâm Khuyến nông quốc gia xây dựng mô hình sản xuất thâm canh giống đậu xanh 12ĐX02 tại xã Đức Minh, quy mô 15 ha, năng suất đạt 1,5 - 1,7 tấn/ha.

## **8. Tổ chức sản xuất trên diện tích tập trung, tích tụ ruộng đất**

Tổng diện tích hoàn thành việc thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất trên thực địa để đưa vào sản xuất từ vụ Hè thu 2025: 14.111,52ha tại 49/69 xã, phường, gồm các hình thức: chuyển đổi ruộng đất 13.922,2 ha (chiếm 98,65%); thuê quyền sử dụng đất đạt 145,32 ha (chiếm 1,02 %); liên kết, hợp tác đạt 35,0 ha (chiếm 0,24%); Chuyển nhượng, góp vốn đạt 9,0 ha (chiếm 0,06%). Điển hình tại các xã Đức Thịnh (1.360,5ha), Hồng Lộc (1.083,62ha), Can Lộc (971,08ha), Tùng Lộc (873,8ha), Yên Hòa (635,5ha), Đồng Tiến (619,19ha), Xuân Lộc (586,73ha), Đức Quang (578,01ha), Thiên Cầm (493ha), Nghi Xuân (490,1ha).

Thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất từng bước đã khắc phục tình trạng ruộng đất phân tán, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, hình thành được cánh đồng lớn, sản xuất “*một giống, một thời vụ, một quy trình canh tác*”, thuận lợi ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp từ khâu làm đất, tưới tiêu, chăm

bón, thu hoạch, sử dụng phân bón hữu cơ và bảo vệ đa dạng sinh học, từ đó giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời góp phần giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm tăng sức cạnh tranh trên thị trường và nâng cao giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích.

### **9. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa**

Thực hiện Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa tỉnh Hà Tĩnh năm 2025 và các Đề án, Kế hoạch sản xuất nông nghiệp, năm 2025 đã chuyển đổi được 15,8 ha (đất chuyên trồng lúa kém hiệu quả 14,6 ha, đất lúa 1 vụ 1,2 ha) sang trồng cây hàng năm 8,7 ha; trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản 7,1 ha.

Diện tích chuyển đổi chủ yếu là đất lúa 2 vụ sản xuất khó khăn; đất lúa 1 vụ cao cường, sản xuất kém hiệu quả; đất thấp trũng được chuyển đổi sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản (lúa – rươi tại xã Nghi Xuân, lúa - ốc tại xã Sơn Tiến); chuyển sang cây trồng hàng năm, với các đối tượng như: Rau, hoa các loại tại phường Trần Phú; trồng ngô, cỏ phục vụ chăn nuôi tại các xã: Sơn Kim 2, Sơn Tiến.

### **10. Về liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản**

- Công ty CP Tập đoàn Quế Lâm: Liên kết sản xuất một số cây trồng như: Lúa 30 ha (Gia Hạnh 5 ha, Đức Thịnh 3 ha, Đức Quang 01ha, Hương Khê 5 ha, Cẩm Bình 4 ha, Bắc Hồng Lĩnh 12ha); dưa lưới, dưa hấu 1,2 ha (Tiên Điền 1 ha, Thạch Lạc 0,2 ha); Tuy nhiên, do ảnh hưởng của bão số 5 và số 6, nhiều diện tích bị thiệt hại, năng suất giảm mạnh, chuỗi liên kết tiêu thụ bị gián đoạn, không thực hiện được theo hợp đồng.

- Về sản xuất dựa liên kết với Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao: Đến nay, tổng diện tích sản xuất dựa liên kết 379,04ha, trong đó: Diện tích 321,5 ha do Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao (DOVECO) trực tiếp sản xuất (hợp tác, thuê đất của Công ty Cổ phần chăn nuôi Bình Hà) tại các xã: Kỳ Hoa, Kỳ Lạc, Kỳ Văn, Cẩm Xuyên, Cẩm Duệ, Cẩm Lạc; Diện tích 57,54 ha các hộ dân liên kết sản xuất với Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao (Kỳ Hoa 20,5 ha, Cẩm Xuyên 10 ha, Cẩm Hưng 2,2 ha, Hương Xuân 5 ha, Vũ Quang 4,72 ha, Mai Hoa 8,01 ha, Thượng Đức 4,61 ha), hình thức liên kết là Công ty DOVECO hợp đồng cung ứng giống, chuyển giao kỹ thuật sản xuất và bao tiêu sản phẩm.

## **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Tiến độ sản xuất các cây trồng cạn còn chậm. Diện tích thu hoạch, sản lượng một số cây trồng (lúa, lạc, đậu đỗ, ...) không đạt so với kế hoạch đề ra. Tổng diện tích cây trồng bị thiệt hại 33.831,5ha, bao gồm lúa, ngô, rau màu, cây công nghiệp và cây ăn quả, trong đó diện tích thiệt hại nặng trên 70% chiếm tỷ lệ lớn (15.541,37 ha), nhiều diện tích bị mất trắng.

- Vụ Hè Thu 2025 các đối tượng dịch hại phát sinh với diễn biến bất thường, không theo quy luật, xuất hiện và gây hại với mật độ cao, diện phân bố rộng ngay từ đầu vụ gây khó khăn trong công tác dự tính dự báo và tổ chức phòng trừ tại các địa phương.

- Công tác điều tra phát hiện, giám sát tình hình và triển khai phòng trừ tại một số địa phương còn hạn chế nhất là công tác hướng dẫn phun thuốc theo nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc, đúng thời điểm, đúng nồng độ - liều lượng, đúng cách); tổ chức triển khai các biện pháp, giải pháp phòng trừ chưa đồng bộ, quyết liệt để nên hiệu quả chưa cao.

- Tỷ lệ sử dụng giống lúa cấp xác nhận trở lên còn thấp, phần lớn nông dân sử dụng giống tự để lại, không được kiểm soát dẫn đến độ lẫn giống lớn, thoái hóa nhanh, giảm độ thuần và sức nảy mầm, giảm khả năng chống chịu và ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng cũng như độ đồng đều.

- Diện tích các cây trồng được liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm và diện tích được chứng nhận theo các tiêu chuẩn an toàn vẫn còn chiếm tỷ lệ rất thấp, nhiều diện tích hết hạn chứng nhận VietGAP, hữu cơ nhưng các cơ sở không đánh giá lại.

## **2. Nguyên nhân**

- Do ảnh hưởng của các cơn bão số 5, số 6 các diện tích lúa đang thời kỳ trổ bông, chín bị ngập úng thời gian kéo dài trên diện rộng dẫn đến mất mùa diện rộng làm giảm năng suất và sản lượng, một số diện tích mất trắng gây thiệt hại nặng nề cho người sản xuất.

- Sản xuất vụ Hè thu 2025 trong thời điểm thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, một số địa phương còn thiếu cán bộ chuyên môn về Trồng trọt, Bảo vệ thực vật; địa bàn rộng, diện tích sản xuất phân tán ở nhiều vùng/xứ đồng, cán bộ mới chưa nắm hết địa bàn. Do vậy, công tác điều tra phát hiện và tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, khắc phục thiên tai hay tuyên truyền, hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng ở một số địa phương còn chưa kịp thời, chưa sâu sát và quyết liệt nên đã ảnh hưởng đến hoàn thành các chỉ tiêu về diện tích, sản lượng và ứng dụng các khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế đã ảnh hưởng diện tích được chứng nhận VietGAP, hữu cơ, liên kết sản xuất.

- Thời điểm dịch hại bùng phát mạnh (Rầy lúa 2 nở rộ, sâu cuốn lá lúa 3 mật độ cao), thời tiết chịu ảnh hưởng của rãnh áp thấp nhiệt đới gây mưa rào và giông (17-25/7/2025; 16-18/8/2025) làm cho quá trình phòng trừ gặp khó khăn, giảm tác dụng thuốc BVTV. Mặt khác, tập quán canh tác của người dân gieo cấy dày, bón phân không cân đối tạo điều kiện dịch hại phát sinh gây hại, quá trình xử lý thuốc BVTV gặp khó khăn.

## **3. Bài học kinh nghiệm**

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách kịp thời, quyết liệt, huy động sự vào cuộc của hệ thống chính trị nhất là cấp xã, phát huy tốt các nguồn lực để hướng dẫn, triển khai thực hiện phòng chống thiên tai, dịch bệnh,... là yếu tố hết sức

quan trọng trong chỉ đạo sản xuất.

- Chỉ đạo quyết liệt về thời vụ, thu hoạch vụ Xuân đến đầu triển khai sản xuất Hè thu đến đó (tập trung triển khai sản xuất sớm, kết thúc gieo cấy trước ngày 05/6/2026, thu hoạch trước ngày 5/9/2026), cơ cấu giống lúa ngắn ngày, có năng suất cao, chống chịu tốt với sâu bệnh (sử dụng giống chất lượng, từ cấp xác nhận trở lên, giống có thời gian sinh trưởng dưới 110 ngày, giống phục vụ sản xuất hàng hóa). Chủ động xây dựng kế hoạch điều tiết nước, lịch tưới của các công trình thủy lợi đảm bảo nguồn nước, áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật, phòng trừ sâu bệnh kịp thời.

- Công tác kiểm tra, giám sát đồng ruộng phải được thực hiện thường xuyên, liên tục ngay từ đầu vụ sản xuất; chú trọng các thời kỳ xung yếu của cây trồng và những thời điểm thời tiết thuận lợi cho dịch hại phát sinh gây hại để phát hiện sớm, xử lý kịp thời khi dịch hại đang phát sinh diện hẹp.

Khi dịch hại xảy ra, công tác tổ chức phòng trừ phải đồng bộ, quyết liệt, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành, địa phương và người dân, không chủ quan, bị động.

## **Phần thứ hai**

### **SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2026**

#### **I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN**

##### **1. Nhận định về thời tiết từ tháng 6/2026 đến tháng 9/2026**

Theo dự báo của Đài khí tượng thủy văn Hà Tĩnh, từ tháng 6/2026 hiện tượng ENSO chuyển sang trạng thái trung tính (Trung tính dương, gần với trạng thái El Nino), từ khoảng tháng 7/2026 hiện tượng ENSO chuyển sang trạng thái El Nino.

- *Nắng nóng*: Dự báo tại Hà Tĩnh, năm 2026 nắng nóng xuất hiện sớm, xảy ra nhiều hơn so với TBNN và gay gắt hơn so với năm 2025. Từ tháng 6 – 9/2026 nắng nóng tiếp tục có xu hướng mở rộng và gia tăng cường độ đặc biệt trong các tháng 6 – 7/2026; nền nhiệt độ trung bình ở các khu vực trong tỉnh phổ biến ở mức cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 1,0 – 1,5<sup>0</sup>C.

- *Lượng mưa*: Trong các tháng từ tháng 6 đến nửa đầu tháng 9/2026 dự báo khá ít mưa, có khả năng xuất hiện các đợt mưa vừa, mưa to, nhưng diện hẹp, các đợt mưa lớn diện rộng dự báo chủ yếu tập trung vào cuối tháng 9/2026<sup>5</sup>, cụ thể: Tháng 06/2026 các khu vực có lượng mưa phổ biến 50 – 100mm; tháng 07/2026 100 - 150mm. Tháng 08/2026 phổ biến 200 - 250mm; tháng 9/2026 phổ biến 350 – 400mm, có nơi cao hơn.

---

<sup>5</sup> Tháng 06/2026 lượng mưa khả năng ở mức xấp xỉ đến thấp hơn TBNN cùng kỳ. Tháng 7 và tháng 8/2026 ở mức xấp xỉ TBNN và tháng 9/2026 ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ

- *Bão/ATNĐ*: Số lượng Bão/ATNĐ có khả năng xảy ra ít hơn so với TBNN cũng như ít hơn so với năm 2025. Từ tháng 6 - 9/2026, có khoảng 5 – 6 cơn bão hoạt động trên Biển Đông tương đương TBNN đổ bộ vào đất liền nước ta khoảng 2 – 3 cơn. Tuy nhiên xác suất có bão hoặc ATNĐ ảnh hưởng trực tiếp đến thời tiết khu vực Hà Tĩnh khá nhỏ.

- *Đông, lốc, sét*: Hiện tượng thời tiết nguy hiểm đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh có khả năng xảy ra trên khu vực tỉnh Hà Tĩnh nhiều hơn TBNN, đặc biệt trong tháng 6 và tháng 9/2026.

## **2. Nhận định về nguồn nước tưới phục vụ sản xuất**

Tính đến ngày 17/4/2026, mực nước và dung tích các hồ chứa như sau:

- Một số hồ chứa lớn như: Hồ Kẻ Gỗ: mực nước: +27,97/32,5m, có dung tích 224,3/345 triệu m<sup>3</sup>, so với thiết kế đạt 65,02% và so với cùng kỳ năm 2025 đạt 81,65%; hồ Sông Rác: mực nước +20,76/23,2m, dung tích 87,72/124,5 triệu m<sup>3</sup>, so với thiết kế đạt 70,46% và so với cùng kỳ năm 2025 đạt 78,83%; hồ Thượng Tuy: mực nước +22,3m/24,5m, dung tích 12,78/18,9 triệu m<sup>3</sup>, so với thiết kế đạt 67,62% và so với cùng kỳ năm 2025 đạt 74,13%.

- Riêng đối với hồ chứa nước Ngàn Trươi: Mực nước hồ lúc ngày 8/4/2026 ở cao trình +41,28m, tương ứng dung tích 390/775,7 triệu m<sup>3</sup>, so với thiết kế đạt 50,2% (theo tính toán cân đối, dự kiến nhu cầu lượng nước của hồ Ngàn Trươi để phục vụ tưới thay thế vùng tưới của trạm bơm Linh Cảm từ nay đến hết vụ Hè Thu năm 2026 khoảng 110 triệu m<sup>3</sup> nước).

- Các hồ chứa vừa và nhỏ: Có dung tích đạt phổ biến từ 60% đến 80% so với dung tích thiết kế và so với cùng kỳ năm 2025 đạt phổ biến từ 80 đến 100%.

## **3. Nhận định về thuận lợi, khó khăn**

### **3.1 Thuận lợi**

- Chính quyền cấp xã sau khi sáp nhập đã đi vào hoạt động ổn định. Cấp uỷ Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương vào cuộc để tập trung chỉ đạo. Trung ương, tỉnh có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp như: Chính sách hỗ trợ khắc phục thiên tai, dịch bệnh, liên kết sản xuất, ứng dụng KH-CN vào sản xuất, sản xuất nông nghiệp hữu cơ,... nhằm khuyến khích nông dân yên tâm, đầu tư phát triển sản xuất, đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất.

- UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch sản xuất giảm phát thải trong lĩnh vực trồng trọt với định hướng thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ và mở rộng các mô hình canh tác bền vững nhằm giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong vụ Xuân 2026 đã triển khai 4.332,7 ha tại 15 xã, bước đầu cho thấy hiệu quả tích cực, tạo cơ sở thực tiễn quan trọng để tiếp tục nhân rộng và phát triển trong vụ Hè Thu năm 2026.

- Cơ giới trong nông nghiệp ngày được ứng dụng rộng rãi (làm đất, cấy, phun thuốc, thu hoạch, vận chuyển) và kết cấu hạ tầng giao thông nội đồng, hệ

thông kênh mương tưới tiêu được đầu tư nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, giảm công lao động, đẩy nhanh thời vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Lúa Vụ Xuân 2026 thu hoạch sớm đã giảm áp lực về thời vụ sản xuất vụ Hè Thu 2026. Bộ giống cây trồng đa dạng về chủng loại, năng suất cao, chất lượng tốt và thích ứng với điều kiện canh tác tại địa phương.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, thủy lợi, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, bố trí thời vụ, phòng trừ dịch hại, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

### **3.2. Khó khăn**

- Chi phí sản xuất ngày càng tăng cao do giá vật tư đầu vào (giống, phân bón...) và các chi phí dịch vụ cơ giới hóa (làm đất, thu hoạch) tiếp tục tăng cao, làm giảm khả năng đầu tư sản xuất của người dân.

- Vụ Hè Thu luôn tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng của hạn hán cục bộ ở một số diện tích lúa cuối kênh, cao cường; nắng nóng gay gắt giai đoạn lúa trổ bông và mưa bão gây ngập úng, đổ ngã giai đoạn thu hoạch; hình thái thời tiết nắng nóng kéo dài kèm với hạn hán có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến tiến độ xuống giống và sinh trưởng, phát triển của cây trồng cạn.

- Các đối tượng dịch hại không theo quy luật, diễn biến phức tạp (sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh bạc lá vi khuẩn...), tiềm ẩn nguy cơ phát sinh gây hại làm ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng.

- Theo dự báo của Đài Khí tượng thủy văn Hà Tĩnh từ tháng 6 đến nửa đầu tháng 9/2026 lượng mưa khá ít mưa, trong khi mực nước tại các hồ chứa lớn không đạt so với dung tích thiết kế và đạt thấp so với cùng kỳ, do đó nguy xảy ra hạn hán, thiếu nước, nhất là vùng cao cường, cuối kênh.

## **II. QUAN ĐIỂM, CHỈ TIÊU**

### **1. Quan điểm**

- Trong bối cảnh kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, cần phát huy sức mạnh cả hệ thống chính trị, huy động mọi nguồn lực, tập trung đẩy mạnh sản xuất. Xây dựng kế hoạch, bố trí cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống và thời vụ phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng; khai thác tối đa và phát huy cao mọi nguồn lực để vụ Hè thu 2026 hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về diện tích, năng suất, sản lượng, đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả cao.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050 của UBND tỉnh, duy trì và nhân rộng diện tích sản xuất lúa giảm phát thải (sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh, áp dụng tưới ngập khô xen kẽ, hệ thống thâm canh lúa cải tiến SRI, quản lý dịch hại tổng hợp IPM, sử dụng máy cấy, máy sạ, xử lý gốc gạ). Tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh áp dụng KHCN, tiên bộ kỹ thuật, phát triển

một số vùng sản xuất rau an toàn, gắn với truy xuất nguồn gốc, theo chuỗi thực phẩm sạch.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở những vùng sản xuất không an toàn, kém hiệu quả trong vụ Hè thu sang cây trồng khác có nhu cầu nước ít hơn để đảm bảo sản xuất an toàn, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích.

## **2. Định hướng chỉ tiêu**

Thực hiện chỉ tiêu sản xuất theo Quyết định số 2926/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 về việc giao một số chỉ tiêu định hướng chủ yếu Kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2026 và kết quả rà soát của các địa phương, tổng diện tích các loại cây trồng vụ Hè thu 54.311 ha, trong đó:

### **2.1. Cây lúa**

- Lúa Hè Thu: Diện tích 45.516 ha; năng suất dự kiến đạt 50,6 tạ/ha; sản lượng phân đầu đạt trên 23,027 vạn tấn.

Diện tích áp dụng tưới ngập khô xen kẽ giảm phát thải 8.700ha.

- Lúa Mùa: Diện tích 37,8 ha, năng suất dự kiến đạt 20 tạ/ha, sản lượng phân đầu đạt 75,6 tấn (xã Đan Hải).

### **2.2. Cây trồng cạn**

Phân đầu tổng diện tích gieo trồng đạt 8.795 ha, trong đó:

- Đậu: Diện tích 1.824 ha, năng suất dự kiến 10,02 tạ/ha, sản lượng phân đầu đạt 1.828 tấn.

- Ngô: Diện tích 2.312 ha, năng suất dự kiến 44,1 tạ/ha, sản lượng phân đầu đạt 10.199 tấn;

- Lạc: Diện tích 327 ha, năng suất dự kiến 21,41 tạ/ha, sản lượng phân đầu đạt 700 tấn;

- Khoai lang: Diện tích 523 ha, năng suất dự kiến 64 tạ/ha, sản lượng phân đầu đạt 3.328 tấn;

- Rau: Diện tích 2.963 ha, năng suất dự kiến 75 tạ/ha, sản lượng phân đầu đạt 22.211 tấn;

- Vùng: Diện tích 846 ha, năng suất 8,41 tạ/ha, sản lượng phân đầu đạt 711 tấn;

**2.3 Cây dứa:** Phân đầu lũy kế đến hết năm 2026 tổng diện tích dứa trên địa bàn tỉnh đạt 1.000 ha, trong đó diện tích trồng mới năm 2026 đạt 653,3 ha tại 17 xã. Trước mắt trong tháng 5/2026 hoàn thành ký hợp đồng liên kết với Công ty Cổ phần thực phẩm Đồng Giao trồng mới 62ha tại 6 xã (Kỳ Hoa 20 ha; Cẩm Hưng 5 ha, Kỳ Anh 8 ha, Kỳ Xuân 9 ha, Hồng Lộc 10 ha, Trường Lưu 10ha).

*(Chi tiết có Phụ lục 1,2,3, 04, 06 kèm theo)*

## **III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Giải pháp về sản xuất**

Để đảm bảo sản xuất vụ Hè Thu 2026 đạt và vượt kế hoạch đề ra cần chủ động triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các giải pháp sản xuất; huy động mọi

nguồn lực thu hoạch nhanh gọn lúa vụ Xuân, tập trung gieo cấy lúa Hè Thu; tranh thủ thời điểm sau thu hoạch cây trồng cạn vụ Xuân, đất còn đủ ẩm để tập trung xuống giống các loại cây trồng cạn.

### **1.1. Sản xuất lúa:**

**a. Cơ cấu giống:** Sử dụng nhóm giống có thời gian sinh trưởng dưới 110 ngày.

- Nhóm giống chủ lực: Sản xuất ổn định qua các năm ở các địa phương, giống có năng suất cao, sản phẩm dễ tiêu thụ: Nếp 98, Nếp 87, Nếp 97, Khang dân đột biến, Khang dân 18, Xuân Mai, Bắc Thịnh, BT09, TBR97.

- Nhóm giống bổ sung: Có năng suất, chất lượng ổn định, thích ứng theo từng vùng sinh thái khác nhau để bổ sung vào sản xuất phù hợp bên cạnh nhóm giống chủ lực:

+ Giống lúa thuần: HN6, PC6, Hà Phát 3, VNR20, Thiên ưu 8, HG12, DT39 Quế Lâm, Hana số 7, ADI168, ĐB6, RVT, BQ, TBR87, Hương Bình.

+ Lúa lai: TH3-5, Thái Xuyên 111, Nhị ưu 838 định hướng bố trí sản xuất tại các vùng đất tốt, đủ nước, thâm canh cao.

- Nhóm giống triển vọng: Đã được công nhận lưu hành, bước đầu thể hiện tính thích ứng trên địa bàn, tiếp tục mở rộng diện tích: Hương Cốm 4, DK6, DT82, AYT77, Hana 318, Lai thơm 6, QR15.

**b. Lịch thời vụ:** Phân đầu gieo cấy kết thúc trước 05/6 để lúa trở tập trung từ 30/7 - 05/8, kết thúc thu hoạch trước 05/9. Đối với một số địa phương như: Đức Minh, Đức Quang (Vùng ngoài đê La Giang), Tứ Mỹ (vùng Hạ Hương Sơn), Bắc Hồng Lĩnh, Nghi Xuân,... bố trí gieo cấy các giống có thời gian sinh trưởng dưới 95 ngày để kịp thu hoạch trước 31/8/2026.

*(Có phụ lục 05 kèm theo)*

**c. Kỹ thuật canh tác:** Tuân thủ quy trình thâm canh của từng giống, trong đó cần lưu ý một số nội dung trọng tâm sau:

- Thu hoạch lúa Xuân nhanh gọn, thu gom, xử lý rơm rạ trên đồng ruộng. Những vùng thấp trũng làm Hè Thu chạy lụt cần gieo cấy sớm, tận dụng triệt để nguồn nước sẵn có trên đồng ruộng khi thu hoạch lúa Xuân và điều tiết, sử dụng nước hợp lý để phục vụ gieo cấy lúa Hè Thu theo đúng khung lịch thời vụ.

- Áp dụng tối đa các biện pháp kỹ thuật sản xuất trồng trọt giảm phát thải: (1) Làm đất đảm bảo mặt ruộng bằng phẳng để quản lý nước hiệu quả hơn; (2) Sử dụng giống có chất lượng tốt, giống từ cấp xác nhận trở lên (phần đầu đạt trên 15% tổng diện tích); (3) áp dụng cơ giới hóa khâu gieo cấy: Ứng dụng máy cấy, sạ hàng, sạ cụm, kết hợp vùi phân để giảm lượng giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật; (4) quản lý nước theo phương pháp tưới ngập - khô xen kẽ (AWD); (5) bón phân hợp lý: Trong vụ Hè Thu, thực hiện nguyên tắc bón “Nặng đầu, nhẹ cuối”, khuyến khích sử dụng phân hữu cơ, vi sinh, sử dụng phân bón cân đối, đúng liều lượng theo nhu cầu của từng giống lúa, loại đất và mùa

vụ để tránh bón thừa đạm; (6) quản lý dịch hại tổng hợp (IPM): Thực hiện các biện pháp điều tra, dự tính, dự báo để phòng trừ sớm sâu bệnh hại, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; (7) sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cân bằng: Kết hợp các sản phẩm hữu cơ, sinh học và hóa học một cách hợp lý; (8) quản lý rơm rạ: Xử lý gốc rạ bằng chế phẩm sinh học, thu gom rơm rạ sau thu hoạch để ủ thành phân vi sinh bón lại cho ruộng, trồng nấm,...; (9) thu hoạch đúng thời điểm và ứng dụng công nghệ sấy và bảo quản tiên tiến để giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch, góp phần giảm phát thải.

***d) Tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và áp dụng các biện pháp sản xuất trồng trọt giảm phát thải:***

Vụ Hè thu 2026, dự kiến duy trì và nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (Áp dụng máy cày máy cấy; cơ giới hóa từ khâu làm đất, bón phân, phun thuốc BVTV, thu hoạch; tưới ngập khô xen kẽ) với diện tích 205 ha, tại 14 xã, phường, gồm:

TT	Xã, phường	Diện tích (ha)	Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật	Đơn vị liên kết, phối hợp thực hiện
<b>I</b>	<b>Định hướng các mô hình đã sản xuất trong vụ xuân 2026 tiếp tục duy trì sản xuất trong vụ Hè thu 2026</b>	<b>130</b>		
1	Gia Hanh	10	Áp dụng máy cày máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm
2	Đức Thịnh	10	Áp dụng máy cày máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	
3	Hồng Lộc	10	Áp dụng máy cày máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	
4	Toàn Lưu	30	Áp dụng máy cày máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm. Sử dụng giống ĐT 39
5	Can Lộc	5	Áp dụng máy cày máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm. Sử dụng giống ĐT 39
		13	Áp dụng máy cày máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	Công ty giống VTNN Mitraco. Sử dụng giống BT09
6	Tứ Mỹ	5	Áp dụng máy cày máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	
7	Cầm Hưng	5	Áp dụng máy cày máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	
8	Cầm Xuyên	4	Áp dụng máy cày máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	
9	Trần Phú	13	Áp dụng máy cày máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	
10	Hà Huy Tập	5	Áp dụng máy cày máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	

11	Kỳ Anh	20	Áp dụng mạ khay máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	
<b>II</b>	<b>Định hướng nhân rộng mô hình sản xuất trong vụ Hè thu 2026</b>	<b>75</b>		
1	Kỳ Xuân	21,9	Áp dụng mạ khay máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm. Sử dụng giống ĐT 39
2	Thạch Hà	13,1	Áp dụng cơ giới hóa từ khâu làm đất, cấy, bón phân, phun thuốc BVTV, tưới ngập khô xen kẽ	Liên kết Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp Đạt Lộc. Sử dụng giống Thiên ưu 8
3	Kỳ Khang	40	Áp dụng mạ khay máy cấy, tưới ngập khô xen kẽ	Sử dụng giống TBR99
<b>III</b>	<b>Tổng diện tích</b>	<b>205</b>		

## **1.2. Cây trồng cạn**

### **a. Cơ cấu giống**

- Ngô: Cơ cấu các giống PAC789, PAC558, NK4300, NK6275, HN68, HN88, SSC586...

- Đậu xanh: Sử dụng các giống VN93-1, VN99-3, ĐXVN7, ĐX11, ĐX14, ĐX208, 12ĐX02,...

- Vừng: Sử dụng các giống vừng V6, vừng đen địa phương.

- Rau các loại: Họ bầu bí, dưa lê, dưa hấu, dưa lưới, dưa vàng, rau muống, mồng tơi, rau dền....

- Lạc: Sử dụng giống L14, V79, L20, L29, LCHX03 và các giống lạc địa phương như: Lạc cúc, lạc sen, lạc mỡ...

- Cây dứa: sử dụng giống Queen và giống Cayen.

**b. Thời vụ:** Đậu xanh, lạc, vừng, ngô tập trung gieo trồng kết thúc trước 30/6/2026.

### **c. Kỹ thuật canh tác**

- Đậu xanh, ngô: Bố trí tập trung trên các vùng bãi bồi, phù sa ven sông, trên vùng chuyên ngô, vùng sau khi thu hoạch cây vụ Xuân; tranh thủ độ ẩm đất sau thu hoạch cây trồng vụ Xuân tiến hành gieo trồng sớm; chú trọng các biện pháp đầu tư thâm canh, phát hiện và phòng trừ kịp thời, có hiệu quả các đối tượng sâu bệnh.

- Rau đậu thực phẩm: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, chăm sóc, ưu tiên sử dụng phân bón hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM)... nhằm tăng năng suất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm và đảm bảo an toàn thực phẩm.

## **1.3. Cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm**

- Tập trung đầu tư thâm canh, chú trọng công tác vệ sinh vườn, phòng trừ sâu bệnh giai đoạn phát triển quả; hướng dẫn người dân áp dụng và nhân rộng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; chăm sóc cây ăn quả, tạo tán, tỉa cành, phòng

trừ các đối tượng dịch hại; tiến hành tủ gốc giữ ẩm và tưới nước bổ sung kịp thời, đặc biệt trong thời điểm nắng nóng.

- Cây dứa:

+ Theo dõi, hướng dẫn các Tổ hợp tác, hộ dân sản xuất dứa tuân thủ nghiêm quy trình kỹ thuật, lịch thời vụ; tình hình dịch hại và các vấn đề phát sinh để tổ chức phòng, trừ, xử lý đảm bảo hiệu quả. Tập trung thu hoạch trên diện tích trồng từ năm 2024 đến đầu năm 2025, các diện tích trồng cuối năm 2025 đến đầu năm 2026 tiếp tục chăm sóc theo quy trình kỹ thuật đã hướng dẫn<sup>6</sup>.

+ Phối hợp với Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao và Công ty Cổ phần Nafoods Group tiếp tục khảo sát mở rộng diện tích trồng dứa đạt 1.000 ha theo kế hoạch.

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước tại cơ sở; tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ, thực hiện tốt các nội dung theo hợp đồng liên kết.

## **2. Công tác quản lý giống, vật tư nông nghiệp**

Thành lập các Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất vụ Hè thu 2026 trên địa bàn; kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc xuất xứ, bao bì nhãn mác, hồ sơ chất lượng, danh mục sản phẩm các loại hàng hóa vật tư nông nghiệp kinh doanh trên địa bàn; lấy mẫu các lô hàng để phân tích kiểm tra chất lượng; giám sát tình hình giá cả các loại giống, VTNN cung ứng trên thị trường. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm theo quy định hiện hành, đảm bảo hàng hóa phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường đáp ứng chất lượng phục vụ sản xuất.

Thường xuyên rà soát bổ sung các quy định về quản lý và sử dụng thuốc BVTV. Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ các cấp đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước cũng như hỗ trợ tốt cho người dân trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng, chú trọng hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học. Tổ chức ký cam kết với các tổ chức, cá nhân buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn.

## **3. Công tác bảo vệ thực vật**

- Thực hiện tốt công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo chính xác thời điểm xuất hiện của dịch hại, thời kỳ xung yếu của cây trồng, giống nhiễm; phát hiện sớm, tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn phòng trừ kịp thời khi dịch hại mới xuất hiện ở diện hẹp; phối hợp chặt chẽ với phòng chuyên môn, các tổ chức liên quan các địa phương, chủ động thực hiện công tác điều tra phát hiện, cảnh báo thời gian phát sinh, mức độ gây hại của dịch hại và tham mưu các biện pháp

<sup>6</sup> Đến tháng 4/2026 đã trồng được 381,04 ha, trong đó: Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao (DOVECO) trực tiếp sản xuất 320 ha (hợp tác, thuê đất của Công ty Cổ phần chăn nuôi Bình Hà) tại các xã: Kỳ Hoa, Kỳ Lạc, Kỳ Văn, Cẩm Xuyên, Cẩm Duệ, Cẩm Lạc; các hộ dân liên kết sản xuất với Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao 61,04 ha (Kỳ Hoa 21,5 ha, Cẩm Xuyên 10 ha, Cẩm Hưng 2,2 ha, Hương Xuân 5 ha, Vũ Quang 4,72, Mai Hoa 8,01 ha, Thượng Đức 4,61 ha, Kỳ Xuân 5 ha)

phòng, trừ, cụ thể:

+ Trên cây lúa: Sâu cuốn lá: Theo dõi chặt chẽ tình hình, dự báo chính xác thời điểm sâu non mới ra rộ, tiến hành phòng trừ khi sâu tuổi 1, tuổi 2,...; Rầy nâu, rầy lưng trắng: Thường xuyên kiểm tra, giám sát đồng ruộng, phát hiện và khoanh vùng xử lý kịp thời khi rầy đang ở diện hẹp, chưa phân tán, chú trọng các vùng hàng năm rầy thường phát sinh gây hại, vùng thấp trũng (Đồng Tiến, Thạch Khê, Thiên Cầm, Kỳ Xuân, Tùng Lộc, Can Lộc,...), bệnh Khô vằn: chủ động theo dõi, phát hiện và phòng trừ kịp thời khi bệnh mới xuất hiện...

+ Cây trồng cạn: Theo dõi chặt chẽ diễn biến các đối tượng dịch hại để có biện pháp phòng trừ kịp thời, chú trọng các đối tượng như: Sâu keo mùa thu, bệnh đốm lá,..trên ngô; nhóm sâu ăn lá hại lạc; bệnh thối nõn, côn trùng hại quả trên cây dưa,

- Phối hợp chặt chẽ với các phương tiện thông tin truyền thông cảnh báo về thời gian, mức độ gây hại và hướng dẫn các biện pháp phòng trừ trước các thời điểm dịch hại phát sinh gây hại diện rộng.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và phòng chống sinh vật gây hại như: quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); hạn chế sử dụng thuốc BVTV hóa học, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ theo nguyên tắc 4 đúng để nâng cao chất lượng nông sản, giảm tồn dư thuốc BVTV trong nông sản, trong đất.

#### **4. Công tác thủy lợi**

- Tổ chức kiểm tra, sửa chữa các hệ thống cánh cửa công hồ chứa nước bị hư hỏng, rò rỉ làm thất thoát nước; thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, các thiết bị máy móc, đường dây tải điện kịp thời để các trạm bơm điện đảm bảo hoạt động bơm nước phục vụ sản xuất; kiểm tra, kịp thời sửa chữa các cửa công ngăn mặn, giữ ngọt để phòng, chống xâm nhập mặn.

- Tăng cường công tác điều tiết, quản lý vận hành hợp lý ngay đầu vụ nhằm giảm tổn thất nguồn nước; tổ chức vận hành đóng mở các cửa công ngăn mặn, giữ ngọt hợp lý, đúng quy trình, theo dõi, quan trắc, kiểm soát độ mặn để tạo nguồn nước đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất, dân sinh; phối hợp với Công ty Điện lực Hà Tĩnh có phương án đảm bảo nguồn điện phục vụ các trạm bơm tưới và đặc biệt là các trạm bơm có nguồn nước ảnh hưởng của thủy triều.

- Đắp bờ giữ nước tại chân ruộng; tổ chức khảo sát, đánh giá những trục tiêu, kênh dẫn, khe lạch có thể đắp tạm nhằm giữ nước mưa đầu vụ Hè Thu và lượng nước hồi quy để bà con bơm tát, chống hạn; tổ chức ra quân nạo vét, kiên cố hóa kênh mương, tu bổ, sửa chữa các cửa vào công lấy nước, trạm bơm tưới, ao, giếng..., khơi thông dòng chảy, đắp đập tạm giữ nước, lắp đặt phương tiện lấy nước để chủ động vận hành, đảm bảo đủ điều kiện dẫn nước thông thoáng từ đầu mội tới mặt ruộng. Lập kế hoạch bổ sung lắp đặt máy bơm giã chiến, lập phương án chuyển nước tạo nguồn ở các công trình khác khi cần thiết để chống hạn.

### **Trong trường hợp hạn hán xảy ra, yêu cầu:**

- Công ty TNHH MTV thủy lợi Hà Tĩnh:

+ Tập trung điều tiết nguồn nước hệ thống Kê Gõ, hệ thống Sông Rác thực hiện phương án điều tiết nước ở những thời điểm hợp lý để hòa mạng hỗ trợ tưới nước kịp thời trong hệ thống và tạo nguồn cho các trạm bơm lấy nước từ sông Quèn, Hói Nạc, Đập 19/5, trục tiêu Cẩm Huy... đảm bảo cấp đủ nước cho diện tích thuộc các khu tưới của công trình thủy lợi, đồng thời để dành nước hồ Thượng Tuy phục vụ chống hạn vào cuối vụ; điều tiết từ hệ thống Sông Rác đặc biệt là tuyến kênh N2, N3 để dẫn nước, ép nước tưới cho xã Kỳ Anh và vùng cuối kênh thuộc các xã Kỳ Khang; tận dụng nguồn nước hồi quy của hệ thống khu tưới hồ Sông Rác để phục vụ cho các trạm bơm trên hệ thống kênh Nhà Lê.

+ Thực hiện phương án điều tiết nước từ hệ thống Ngàn Trươi (qua các cống tạo nguồn trên kênh chính Linh Cẩm), cống Trung Lương, cống Đức Xá để tạo nguồn nước cho các trạm bơm trong hệ thống Sông Nghèn phục vụ bơm nước chống hạn; chủ động điều tiết, nâng cao và giữ mực nước thượng lưu cống Đò Điểm để tạo nguồn cho các trạm bơm vùng Sông Nghèn ở những thời điểm hợp lý không ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống dân sinh trong khu vực và an toàn công trình.

- UBND các xã, phường: Phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH MTV Thủy lợi để thực hiện các giải pháp chống hạn, điều tiết nước hợp lý. Rà soát diện tích những vùng không đủ nguồn nước để chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, dùng nước hết sức tiết kiệm, tổ chức ra quân nạo vét, khơi thông dòng chảy, đắp đập tạm giữ nước và lắp đặt phương tiện lấy nước (máy bơm giã chiến) tại những trục tiêu, kênh dẫn, sông suối, khe lạch (những vùng thiếu nguồn nước) nhằm giữ lượng nước hồi quy để bơm tưới, chống hạn.

### **5. Thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất; cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất**

- Vụ Hè Thu 2026 tập trung tổ chức sản xuất hiệu quả trên diện tích 14.111,52 ha đã thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất (chuyển đổi ruộng đất, dồn điền đổi thửa) trên thực địa.

- Định hướng ở các vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao: đối với diện tích 23.733ha/757 vùng đã được rà soát, định hướng quy hoạch lúa năng suất, chất lượng cao tại 55 xã, phường chỉ đạo tập trung sản xuất gắn với giảm phát thải, áp dụng hệ thống thâm canh cải tiến SRI, sử dụng giống cấp xác nhận trở, sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn chế biến để sản xuất lúa hàng hóa.

- Ưu tiên thực hiện các biện pháp cải tạo và nâng cao chất lượng đất trồng lúa thông qua bón phân hữu cơ, phân vi sinh và áp dụng các biện pháp canh tác bền vững, nhằm tăng độ phì nhiêu, giảm thoái hóa đất hướng tới sản xuất nông nghiệp xanh, bền vững và thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện Kế hoạch hành động

thực hiện Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 28/11/2025. Vụ Hè Thu 2026, lựa chọn xây dựng các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải tại những vùng sản xuất hàng hóa tập trung với diện tích 8.700 ha tại 23 xã, phường, áp dụng quy trình tưới cho lúa theo công nghệ tưới ngập khô xen kẽ (AWD) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước, giảm thất thoát nước tưới, giảm chi phí nhân công, nâng cao năng suất cây trồng, giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt và thích ứng biến đổi khí hậu; áp dụng biện pháp mạ khay, máy cấy với diện tích 205 ha tại 14 xã, phường.

*(Chi tiết có Phụ lục 04 kèm theo)*

- Xây dựng các mô hình trình diễn, sản xuất khảo nghiệm các giống cây trồng mới, từng bước đánh giá khả năng thích ứng để nhân rộng đưa vào cơ cấu sản xuất như: PD211, Syn 112, J01, DTI14, DTJ10, DT152, DT151, HG244, QC03...

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng và nhân rộng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, vụ Hè thu 2026 tập trung sản xuất kín 166.776 m<sup>2</sup> nhà lưới, nhà màng tại 228 cơ sở, trồng các loại cây có giá trị cao như dưa lưới (TL3), dưa vàng (HL1, Kim cô nương, Hoàng kim), dưa chuột. Tăng nhanh tỷ lệ ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất (máy cấy, máy bay không người lái trong phun thuốc phòng, trừ sâu, máy thu gom, máy cuốn rơm rạ...).

## **6. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm**

- Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, quan tâm xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác liên kết hoạt động có hiệu quả gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hoá đồng bộ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa:

+ Liên kết với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm: dự kiến liên kết sản xuất lúa theo hướng hữu cơ (sử dụng 100% phân bón hữu cơ Quế Lâm, giống lúa DT39) có liên kết theo chuỗi từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, quy mô 83,9 ha tại các xã: Toàn Lưu 30 ha; Can Lộc 5 ha; Cẩm Lạc 17 ha; Gia Hạnh 10ha, Kỳ Xuân 21,9ha.

+ Kêu gọi các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất chuỗi giá trị, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của địa phương. Vụ Hè Thu 2026 dự kiến liên kết tiêu thụ lúa với các tổ chức (doanh nghiệp, Hợp tác xã...)<sup>7</sup>, các thương lái trong và ngoài tỉnh với số lượng khoảng 80.000 tấn (tương ứng diện

<sup>7</sup> Công ty CP Giống cây trồng và thương mại Hà Tĩnh, Công ty TNHH một thành viên giống và VTNN Mitraco, Công ty TNHH Cường Tân, Công ty CP tập đoàn giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed), Công ty TNHH VTNN Kiến Vàng, Công ty cổ phần đầu tư Thương mại và phát triển nông nghiệp ADI, Công ty TNHH Mahyco Việt Nam, Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp Đạt Lộc...

tích khoảng 16.000 ha).

- Liên kết sản xuất và tiêu thụ cây trồng cạn: Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bí xanh quy mô 11ha tại 2 xã Thạch Lạc và xã Mai Hoa, cụ thể: Tại xã Thạch Lạc liên kết với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm quy mô 01ha; tại xã Mai Hoa liên kết với Công ty TNHH Nông Phát quy mô 10ha.

### **7. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa**

- Các địa phương căn cứ quy định tại Luật Trồng trọt và Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 18/5/2025 và Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa tỉnh Hà Tĩnh năm 2026 để xây dựng phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa đúng với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

- Rà soát lại nguồn nước để xây dựng kế hoạch tưới vụ Hè Thu phù hợp, đánh giá vùng sản xuất lúa không đảm bảo tưới suốt vụ, không an toàn, hiệu quả kém (vùng cuối kênh, bán sơn địa, vùng cao cường thường gặp hạn cuối vụ) để chuyển đổi sang trồng các cây có nhu cầu nước ít hơn như: ngô, lạc, rau đậu các loại, các loại cây công nghiệp, cây ăn quả khác an toàn, hiệu quả hơn, hạn chế mức thấp nhất diện tích đất bỏ hoang (không sản xuất).

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn để nâng cao nhận thức của nông dân trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

### **8. Chính sách**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa; Nghị quyết 143/2025/NQ-HĐND ngày 23/01/2025 quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, trong đó ưu tiên hỗ trợ giống, phân bón hữu cơ, phân bón hữu cơ sinh học, phân bón hữu cơ vi sinh để cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thu hút các doanh nghiệp đầu tư, ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm hàng hoá.

Riêng đối với các giống lúa mới hỗ trợ chính sách theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ đề nghị các địa phương đảm bảo cơ cấu giống trong Đề án sản xuất vụ Hè thu năm 2026; loại giống có nguồn gốc, chất lượng đảm bảo, quy cách bao bì đóng gói có giá bán thấp nhất.

- Ngoài chính sách của Trung ương và tỉnh, đề nghị các địa phương thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện phát triển sản xuất như: Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm; kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án; trích ngân sách địa phương và kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương để chỉ đạo tổ chức, triển khai Đề án sản xuất vụ Hè Thu 2026.

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn hướng dẫn quy trình, kỹ thuật sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, xây dựng, nhân rộng các mô hình, công tác ứng phó, khắc phục thiên tai, phòng trừ sâu bệnh, dịch hại.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản.

### **2. Các đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường**

#### **2.1. Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi**

- Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn Hà Tĩnh để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết nhất là tình hình hạn hán, mưa lụt, bão, dông lốc và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Tham mưu xây dựng, đề xuất các phương án để chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục thiệt hại đối với những tình huống thời tiết bất thuận như hạn hán, mưa bão, dịch bệnh cây trồng, .... để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng.

- Thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền các xã, phường và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội chính thống để phổ biến, khuyến cáo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

#### **2.2. Chi cục Thủy lợi**

- Xây dựng phương án tưới nước phục vụ sản xuất vụ Hè Thu 2026. Trên cơ sở đó tham mưu chỉ đạo các đơn vị, địa phương cân đối nguồn nước, các giải pháp để phục vụ sản xuất.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan để xây dựng phương án chống hạn ngay từ đầu vụ (nhất là những diện tích có nguy cơ hạn hán, vùng bán sơn địa, cuối kênh). Trong đó, lưu ý vùng bơm điện phải có lịch tưới cụ thể để có căn cứ thống nhất với ngành điện về bố trí điện phục vụ chống hạn. Bên cạnh đó, cần xây dựng phương án tiêu thoát nước khi có mưa to, ngập úng để giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại do mưa bão gây ra. Thường xuyên tổng hợp diễn biến tình hình tưới nước, công tác phòng chống hạn tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, nguồn nước, hướng dẫn các địa phương, đơn vị điều tiết nước tại các hồ chứa, quản lý nguồn nước trong các hệ thống công trình thủy lợi; tham mưu chỉ đạo các Công ty, đơn vị thực hiện tốt việc điều tiết nước tưới tại các vùng sản xuất thí điểm giảm phát thải, áp dụng

công nghệ tưới ngập – khô xen kẽ (AWD).

### **2.3. Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng**

- Tập trung quản lý, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm và kết nối tiêu thụ, xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm giúp sản xuất đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn nhất là các sản phẩm rau, củ, quả. Quản lý chất lượng, giá bán các loại giống cây trồng trên thị trường tỉnh Hà Tĩnh.

- Chủ trì kết nối tiêu thụ nông sản, tham mưu phương án tiêu thụ sản phẩm khi có nguy cơ khó khăn trong công tác tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sàn thương mại điện tử, các ban ngành khác để tổ chức, hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên địa bàn nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên sàn thương mại điện tử.

- Phối hợp chặt chẽ với địa phương để triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, liên kết, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **2.4. Trung tâm Khuyến nông**

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh các cây trồng vụ Hè Thu đến tận người sản xuất thông qua các lớp tập huấn, đào tạo.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, liên kết tiêu thụ sản phẩm, ... và các tiến bộ kỹ thuật mới khác.

## **3. Ủy ban nhân dân xã, phường**

- Căn cứ vào chỉ đạo của Ủy ban nhân tỉnh; Đề án sản xuất vụ Hè Thu 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường để xây dựng Đề án và tổ chức triển khai sản xuất vụ Hè Thu 2026 phù hợp với tình hình thực tế và lợi thế sẵn có của địa phương, đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch, an toàn, hiệu quả. Kế hoạch sản xuất phải thể hiện sự phân đầu cao, tổ chức chỉ đạo phải tích cực, quyết liệt và đề ra các giải pháp kỹ thuật sát đúng với thực tế sản xuất của địa phương.

- Tăng cường công tác chỉ đạo và quản lý nhà nước về giống, vật tư nông nghiệp trên địa bàn, kiểm tra, xử lý nghiêm trường hợp vi phạm; xây dựng nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, mô hình theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ,..., mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải,...

- Chủ động tìm kiếm, kết nối với các đơn vị cung ứng thực phẩm, thu mua nguyên liệu theo chuỗi trong và ngoài tỉnh, xúc tiến đặt hàng sản xuất các sản phẩm.

- Xây dựng phương án chống hạn và tổ chức thực hiện. Rà soát lại nguồn

nước để xây dựng kế hoạch tưới vụ Hè Thu phù hợp. củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi cơ sở (Tổ HT, HTX...) để nhận nước, dẫn nước vào từng thửa ruộng cho bà con nông dân; đồng thời quản lý, bảo vệ các hạng mục công trình, kênh mương mặt ruộng trong khu tưới được giao quản lý trong quá trình vận hành điều tiết, phân phối nước.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, khả năng nguồn nước tại các hồ chứa, sông suối thuộc địa bàn quản lý để tính toán, cân đối nguồn nước, xây dựng lịch tưới chi tiết cho từng vùng, từng công trình; thường xuyên báo cáo tình hình nguồn nước, công tác vận hành cấp nước và kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**4. Đề nghị Đảng ủy các xã, phường** quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo UBND cấp xã, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vào cuộc tích cực tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đẩy mạnh sản xuất vụ Hè Thu 2026 đạt và vượt kế hoạch.

#### **5. Đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan**

- *Các sở, ban, ngành liên quan:* Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã, phường, Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác tổ chức, triển khai Đề án sản xuất vụ Hè Thu 2026.

- *Đài khí tượng thủy văn tỉnh:* Làm tốt công tác dự báo tình hình thời tiết trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan truyền thông cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về diễn biến thời tiết, khí hậu để làm cơ sở chỉ đạo sản xuất.

- *Công ty TNHH MTV Thủy lợi:* Phối hợp với các địa phương rà soát, đánh giá cân đối khả năng nguồn nước của các hồ chứa được giao quản lý để xây dựng kế hoạch tưới cho từng công trình, từng vùng, từng khu vực cụ thể; xây dựng lịch tưới và phương án cấp nước chi tiết và tổ chức điều tiết, phân phối hợp lý, tiết kiệm, không để hiện tượng thất thoát lãng phí nước; những diện tích không đảm bảo nguồn nước thì thông báo cho các địa phương biết để có giải pháp chuyển đổi cây trồng phù hợp; tăng cường công tác quản lý vận hành nhằm giảm tổn thất nguồn nước; kiểm tra, rà soát tổng thể các công trình thủy lợi được giao quản lý, huy động nguồn lực để duy tu, bảo dưỡng, khắc phục kịp thời hư hỏng (đặc biệt là các công trình, hạng mục công trình bị hư hỏng do mưa lũ gây ra trong thời gian vừa qua) nhằm đảm bảo an toàn, vận hành cấp; phối hợp với các chủ đầu tư xây dựng công trình thủy lợi tổ chức tính toán cân đối nguồn nước và có giải pháp điều tiết nước phù hợp để vừa đảm bảo thi công công trình, vừa đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất, dân sinh.

- *Các tổ chức tín dụng:* Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và bà con nông dân vay vốn để mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất.

- *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh:* Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tham gia lao động sản xuất thực hiện thắng lợi Đề án sản xuất vụ Hè Thu 2026.

- *Các cơ quan thông tin đại chúng*: Đề nghị Báo Hà Tĩnh và các cơ quan thông tấn báo chí đóng trên địa bàn dành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp các biện pháp kỹ thuật, biện pháp bảo vệ sản xuất trong vụ Hè Thu 2026; phối hợp với cơ quan khí tượng, thủy văn nắm bắt và thông tin kịp thời các nguy cơ về thiên tai để người dân chủ động ứng phó./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, KH&CN, Công thương;
- Giám đốc, PGĐ Sở;
- Phòng KHTC, Quản lý Đất đai;
- Các Chi cục: TTCN, Thủy lợi, PTNTQLCL;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm KN;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Hải**

## Phụ lục 01: CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT CÂY LÚA, NGÔ VỤ HÈ THU NĂM 2026

TT	Xã/phường	Cây lúa						Cây Ngô					
		Kết quả sản xuất vụ Hè thu 2025			Kế hoạch sản xuất vụ Hè thu 2026			Kết quả sản xuất vụ Hè thu 2025			Kế hoạch sản xuất vụ Hè thu 2026		
		Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>45.476</b>	<b>27,53</b>	<b>125.193</b>	<b>45.516</b>	<b>50,6</b>	<b>230.273</b>	<b>2.364</b>	<b>43,8</b>	<b>10.348</b>	<b>2.312</b>	<b>44,1</b>	<b>10.199</b>
1	Thạch Lạc	835	42,1	3.515	844	54,00	4558	3	32,00	10	2	32,00	6
2	Đồng Tiến	756	29,9	2.258	756	45,00	3401	3	41,00	12	3	41,00	12
3	Thạch Khê	205	20,61	423	212	51,83	1099			0			0
4	Cầm Bình	1.488	34,09	5.073	1366	58,00	7923	1	35,00	4	1	35,00	2
5	Kỳ Xuân	696	33,08	2.302	697	54,50	3796	2	30,00	6	2	30,00	6
6	Kỳ Anh	1.921	27,88	5.356	1932	55,00	10625	9	32,00	30	12	32,00	39
7	Kỳ Hoa	171	23,92	409	168	52,00	875	2	30,00	6	2	30,00	6
8	Kỳ Văn	410	41,34	1.693	410	53,00	2170	3	31,00	9	4	31,00	12
9	Kỳ Khang	1.013	30,76	3.115	1052	55,72	5864	1	32,00	3	1	32,00	3
10	Kỳ Lạc	112	39,28	438	112	51,50	577	3	30,00	9	53	32,00	170
11	Kỳ Thượng	114	32,03	365	112	36,00	403	6	33,00	20	13,5	32,00	43
12	Cầm Xuyên	1.484	34,75	5.158	1484	58,63	8700						
13	Thiên Cầm	1.271	34,97	4.445	1271	55,00	6991						
14	Cầm Duệ	1.074	32,30	3.467	1074	56,00	6014	26	28,00	73	30	25,00	75
15	Cầm Hưng	1.240	32,65	4.049	1240	57,70	7155	4	28,00	10	2	29,00	4
16	Cầm Lạc	1.167	24,64	2.874	1167	54,38	6343	15	28,00	42	13,5	27,00	36
17	Cầm Trung	591	23,53	1.389	591	51,00	3012			0			
18	Yên Hòa	827	35,29	2.918	827	33,70	2787			0			
19	Thạch Hà	586	30,71	1.800	584	52,00	3035	4	28,00	11	4	28,00	11
20	Toàn Lưu	1.041	30,80	3.206	1070	50,00	5350	12	30,00	36	10	30,00	30
21	Việt Xuyên	997	28,65	2.857	997	50,00	4986	6	26,00	16	6	26,00	16
22	Đông Kinh	1.186	26,85	3.184	1146	58,00	6647	4	25,00	10	4	25,00	10
23	Thạch Xuân	991	30,03	2.976	987	50,00	4935	12	30,00	36	25	25,00	63
24	Lộc Hà	388	14,90	578	400	56,00	2240						
25	Hồng Lộc	1.008	23,88	2.407	1009	50,00	5045						
26	Mai Phụ	962	29,75	2.862	919	43,00	3952	10	30,00	30	8	30,00	25
27	Can Lộc	1.811	28,00	5.071	1801	53,50	9635	2	28,00	4	5	57,00	29
28	Tùng Lộc	992	33,13	3.286	986	55,00	5423						
29	Gia Hạnh	1.665	28,64	4.769	1665	54,50	9076						
30	Trương Lưu	1.588	26,44	4.199	1600	50,00	8000	6	28,00	16	7,8	40,00	31
31	Xuân Lộc	1.373	30,27	4.156	1371	55,00	7541						
32	Đồng Lộc	1.548	28,82	4.462	1548	55,00	8516	6	28,50	17	12	29,00	35
33	Tiên Điền	19	0,00	0	0		0	14	30,70	44	14	30,75	44
34	Nghi Xuân	255	0,00	0	280	50,00	1400	10	30,00	30	10	30,10	30
35	Cổ Đạm	388	0,00	0	300	45,51	1365						

36	Đan Hải	0	0,00	0	0		0						
37	Đức Thọ	642	14,14	908	810	48,20	3904	40	45,00	180	44	45,00	198
38	Đức Đồng	225	16,46	370	225	42,00	945	153	45,50	696	130	46,00	598
39	Đức Quang	1.044	11,65	1.216	1042	49,50	5158	35	39,00	137	39	46,00	179
40	Đức Thịnh	2.314	13,38	3.096	2286	50,00	11430	12	43,00	52			
41	Đức Minh		0,00	0	20	48,00	96	11	45,00	50	25	46,00	115
42	Hương sơn	390	42,85	1.671	420	45,00	1890	95	56,00	532	95	56,00	532
43	Sơn Tây	55	49,12	270	55	42,00	231	83	58,00	482	83	58,00	481
44	Từ Mỹ	545	18,60	1.014	545	42,00	2289	85	40,00	340	85	52,00	442
45	Sơn Giang	323	36,56	1.180	323	4,00	129	206	35,90	740	215	40,00	860
46	Sơn Tiến	400	24,36	975	400	42,50	1700	185	43,20	799	190	50,30	956
47	Sơn Hồng	122	31,59	385	120	40,00	480	190	46,50	884	165	40,00	660
48	Kim Hoa	336	47,93	1.610	400	45,00	1800	65	42,50	276	50	43,00	215
49	Vũ Quang	151	18,29	276	150	38,00	570	111	48,60	539	110	49,00	539
50	Mai Hoa	179	16,16	289	170	53,00	901	91	41,70	379	92	42,00	386
51	Thượng Đức	104	17,03	177	85	35,00	298	83	41,70	346	83	42,00	349
52	Hương Khê	391	36,74	1.437	391	34	1329	92	43,20	397	75	40,0	300
53	Hương Phố	333	20,30	676	300	45,00	1350	90	50,00	450	35	40,00	140
54	Hương Đô	161	36,10	581	170	41,00	697	41	40,00	164	41	40,00	164
55	Hà Linh	82	24,02	197	62	37,80	234	90	40,60	365	80	41,00	328
56	Hương Bình	464	31,74	1.473	464	38,50	1786	45	42,30	190	45	41,00	185
57	Phúc Trạch	365	38,29	1.398	350	41,84	1464	67	41,80	280	51	40,00	204
58	Hương Xuân	340	37,57	1.277	341	42,00	1432	260	48,50	1.261	260	49,00	1274
59	Sơn Kim 1	12	57,80	69	10	54,05	56	35	52,00	182	35	57,00	200
60	Sơn Kim 2	23	43,67	100	20	40,00	80	20	47,00	94	18	47,00	85
61	Thành Sen	458	23,66	1.084	476	46,10	2194			0			
62	Trần Phú	389	15,38	598	460	45,00	2070			0			
63	Hà Huy Tập	1.303	25,46	3.317	1321	54,00	7133	6	28,00	17	6	28,00	17
64	Vũng Áng	5	59,33	30	0		0	5	40,00	20	10	40,00	40
65	Sông Trí	198	37,49	740	198	48,00	948	1	34,00	3	2	35,00	7
66	Hoành Sơn	16	42,81	66	15	46,00	70	3	20,00	5	3	20,00	5
67	Hải Ninh	295	39,86	1.175	295	47,00	1385	1	34,40	3	1	35,00	3
68	Bắc Hồng Lĩnh	742	16,73	1.241	746,6	42,00	3136			0			
69	Nam Hồng Lĩnh	900	13,71	1.234	869	42,00	3650			0			

**Phụ lục 02: CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT RAU, KHOAI LANG VỤ HÈ THU NĂM 2026**

T T	Xã/phường	Rau củ quả						Khoai lang					
		Kết quả vụ Hè thu 2025			Kế hoạch vụ Hè thu 2026			Kết quả vụ Hè thu 2025			Kế hoạch vụ Hè thu 2026		
		Diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>2.952</b>	<b>74,13</b>	<b>21.883</b>	<b>2.963</b>	<b>75</b>	<b>22.211</b>	<b>505</b>	<b>61</b>	<b>3.099</b>	<b>523</b>	<b>64</b>	<b>3.328</b>
1	Thạch Lạc	35	70,20	246	35	70,50	247	5	63	32	5	64,00	32
2	Đông Tiến	130	76,50	995	130	77,00	1001	71	66,1	469	63	66,00	416
3	Thạch Khê	100	78,50	782	100	79,00	787	18	75	137	18,3	84,54	155
4	Cẩm Bình	175	81,50	1.426	220	90,50	1991	0,8	62	5			0
5	Kỳ Xuân	14	67,90	95	14	67,90	95	15	65	98	15	65,00	98
6	Kỳ Anh	49	70,90	347	48	71,00	337	6	55	34	3,37	55,00	19
7	Kỳ Hoa	35	68,60	240	35	69,00	242	0,5	65	3	0,5	65,00	3
8	Kỳ Văn	19	66,00	125	20	67,00	134	9	65	59	10	65,00	65
9	Kỳ Khang	23	65,40	150	23	66,00	153	16,5	65	107	21,4	65,00	139
10	Kỳ Lạc	19	70,00	134	20	65,30	129	8	59,5	48	15	66,10	99
11	Kỳ Thượng	16	68,00	108	16	60,00	95	9	65	59	13,4	65,00	87
12	Cẩm Xuyên	80	73,20	586	91	73,50	665	16	60	96	16	60,00	96
13	Thiên Cẩm	36	68,50	249	40	83,00	332	11,3	58,14	66	10	56,00	56
14	Cẩm Duệ	61	79,80	487	65	80,00	520	26,1	68	177	26	68,00	177
15	Cẩm Hưng	54	98,00	529	128	105,0	1344						0
16	Cẩm Lạc	68	83,00	564	71	84,00	596	11,4	65	74	12	66,00	79
17	Cẩm Trung	54	79,80	433	55	79,64	438	12,7	50,9	65	13	65,00	85
18	Yên Hòa	72	75,68	546	72	76,50	552	28,6	65,32	187	28,6	67,20	192
19	Thạch Hà	45	68,50	308	45	68,50	308	7	60	42	7	60,00	42
20	Toàn Lưu	95	65,00	618	40	65,00	260	5	65	33	5	65,00	33
21	Việt Xuyên	57	67,00	382	57	67,00	382	9	65	59	9	65,00	59
22	Đông Kinh	20	65,00	130	20	65,00	130	3	70	21	3	70,00	21
23	Thạch Xuân	40	70,70	283	60	65,00	390	6	61	37	8	60,00	48
24	Lộc Hà	75	95,92	715	75	95,92	715	27	50,7	137	27	60,00	162
25	Hồng Lộc	6	80,00	48	6	80,00	48						0
26	Mai Phụ	29	62,70	182	29	72,00	210				7,8	70,00	55
27	Can Lộc	94	78,50	741	95	79,00	751	6	44,3	27			
28	Tùng Lộc	30	60,50	182	30	67,70	203	2,5	44,3	11	2,5	57,00	14
29	Gia Hanh	70	80,20	562	70	80,00	560	6,8	58	39	6,9	59,00	41
30	Trường Lưu	98	73,27	720	53	68,00	360	4,3	60	26			
31	Xuân Lộc	35	71,79	253	35	72,00	252	5,83	52,35	31	5	55,00	28
32	Đông Lộc	38	67,69	255	38	68,00	256	7,2	52,84	38	7,2	54,00	39
33	Tiên Điền	15	65,00	98	15	66,00	99	26,8	60,1	161	26,8	60,10	161

34	Nghi Xuân	69	108,67	745	69	120,0	822	14,2	61,7	88	25	62,00	155
35	Cổ Đạm	107	77,20	826	27	77,00	208						
36	Đan Hải	36	68,60	247	36	69,00	248						
37	Đức Thọ	60	62,67	376	60	63,00	378						
38	Đức Đồng	12	62,00	74	18,5	62,00	115						
39	Đức Quang	39	64,00	250	39	64,00	250						
40	Đức Thịnh	12	65,20	78	10	60,00	60						
41	Đức Minh	15	65,60	98	20	66,00	132						
42	Hương sơn	73	70,00	508	90	70,00	630				5	68,00	34
43	Sơn Tây	12	62,00	74	12	62,00	74	5	64	32	4	64,00	26
44	Tứ Mỹ	66	71,56	472	66	73,00	482	8	53,25	43	8	53,25	43
45	Sơn Giang	42	63,00	264	42	63,00	265	4	58,5	23	4	59,00	24
46	Sơn Tiến	82	64,00	527	83	64,00	531	13	60	78	13	61,00	79
47	Sơn Hồng	18	62,00	112	19	62,00	118	5	64	32	4	64,00	26
48	Kim Hoa	13	64,00	83	15	54,00	81						
49	Vũ Quang	11	66,44	70	10,5	66,50	70						
50	Mai Hoa	19	62,35	115	19,5	62,50	122						
51	Thượng Đức	15	65,00	98	15	65,00	98						
52	Hương Khê	55	68,60	377	55	52	286						
53	Hương Phó				10	50,00	50				3	60,00	18
54	Hương Đô	40	73,20	293	40	48,00	192	14	55,5	78	10	55,50	56
55	Hà Linh				0			0	0	0			
56	Hương Bình	39	73,20	284	38,8	45,00	175	35	61,5	215	35	62,00	217
57	Phúc Trạch	50	75,60	378	50	75,00	375						
58	Hương Xuân			0									
59	Sơn Kim 1	9	63,20	57	9	64,00	58	2	58	12			
60	Sơn Kim 2	4	60,50	24	4	61,00	24						
61	Thành Sen	43	62,35	268	38,87	62,50	243	3,5	40	14	3	41,00	12
62	Trần Phú	58	75,89	440	20	76,00	152						
63	Hà Huy Tập	60	75,20	451	60	75,50	453	11	60	66	11	60,00	66
64	Vũng Áng	3	60,00	18	5	60,00	30	2	40	8	5	40,00	20
65	Sông Trí	19	73,00	135	45,5	64,00	291	0,9	68,3	6	5	75,00	38
66	Hoành Sơn	6	68,70	41	6,8	52,00	35	3	38	11			0
67	Hải Ninh	25	74,00	185	25	74,00	185	2,4	75	18	2,4	75,00	18
68	Bắc Hồng Lĩnh	35	72,00	252	35	72,00	252						
69	Nam Hồng Lĩnh	20	73,00	146	20	73,00	146						

**Phụ lục 04. Định hướng vùng sản xuất lúa chất lượng; sản xuất lúa giảm phát thải**

TT	Xã, phường	Định hướng vùng quy hoạch lúa chất lượng cao		Sản xuất lúa giảm phát thải (Tươi ngập khô xen kẽ) (ha)
		Diện tích (ha)	Số vùng (vùng)	
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>23.733</b>	<b>757</b>	<b>8.700</b>
1	Thạch Lạc	263,9	24	200,00
2	Đông Tiến	427,5	18	200,00
3	Thạch Khê	158,41	8	
4	Cẩm Bình	905,6	37	200,00
5	Kỳ Xuân			250,00
6	Kỳ Anh			500,00
7	Kỳ Hoa			
8	Kỳ Văn			
9	Kỳ Khang			
10	Kỳ Lạc	36,84	4	
11	Kỳ Thượng	42,71	8	
12	Cẩm Xuyên	914,17	28	500,00
13	Thiên Cẩm	998,06	37	500,00
14	Cẩm Duệ	332,47	12	100,00
15	Cẩm Hưng	968,41	28	700,00
16	Cẩm Lạc	817,59	26	700,00
17	Cẩm Trung	226,72	11	100,00
18	Yên Hòa	778,55	16	50,00
19	Thạch Hà	300,62	19	
20	Toàn Lưu	233,88	11	
21	Việt Xuyên	453,2	15	
22	Đông Kinh	663,69	18	200,00
23	Thạch Xuân	808,9	31	
24	Lộc Hà	230,4	8	
25	Hồng Lộc	620,88	20	500,00
26	Mai Phụ	479,37	16	
27	Can Lộc	947,76	29	1.000,00
28	Tùng Lộc	925,05	14	100,00
29	Gia Hạnh	1192,74	25	700,00
30	Trường Lưu	1259,04	29	100,00
31	Xuân Lộc	1099,99	26	500,00
32	Đông Lộc	1123,57	26	
33	Tiên Điền	76,33	2	
34	Nghi Xuân	366,02	4	
35	Cổ Đạm	308,01	7	

36	Đan Hải			
37	Đức Thọ	310,43	15	
38	Đức Đồng	180,69	12	
39	Đức Quang	570,02	18	400,00
40	Đức Thịnh	1104,51	16	1.000,00
41	Đức Minh			
42	Hương sơn	172,63	8	
43	Sơn Tây	35,88	5	
44	Tứ Mỹ	435,9	13	
45	Sơn Giang	164,33	8	
46	Sơn Tiến	340,2	8	
47	Sơn Hồng	56,3	4	
48	Kim Hoa	202,27	10	
49	Vũ Quang	70,95	8	
50	Mai Hoa	30,86	1	
51	Thượng Đức	130,06	3	
52	Hương Khê	182	2	
53	Hương Phố	406,31	10	
54	Hương Đô	66	4	
55	Hà Linh	136,5	10	
56	Hương Bình	228,1	6	
57	Phúc Trạch	85	1	
58	Hương Xuân	138,7	4	
59	Sơn Kim 1			
60	Sơn Kim 2	11,76	1	
61	Thành Sen			
62	Trần Phú	222,7	11	
63	Hà Huy Tập	411	19	100,00
64	Vũng Áng			
65	Sông Trí			
66	Hoành Sơn			
67	Hải Ninh			
68	Bắc Hồng Lĩnh	80	3	
69	Nam Hồng Lĩnh			100,00

**Phụ lục 03: CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT CÂY LẠC, ĐẬU, VÙNG VỤ HÈ THU NĂM 2026**

TT	Xã, phường	Cây lạc						Cây đậu						Cây vùng					
		Kết quả vụ Hè thu năm 2025			Kế hoạch vụ Hè thu năm 2026			Kết quả vụ Hè thu năm 2025			Kế hoạch vụ Hè thu năm 2026			Kết quả vụ Hè thu năm 2025			Kế hoạch vụ Hè thu năm 2026		
		Diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
	<b>Toàn Tỉnh</b>	<b>372</b>	<b>17,93</b>	<b>668</b>	<b>327</b>	<b>21,41</b>	<b>700</b>	<b>2.156</b>	<b>9,31</b>	<b>2.007</b>	<b>1.824</b>	<b>10,02</b>	<b>1.828</b>	<b>754</b>	<b>6,70</b>	<b>505</b>	<b>846</b>	<b>8,41</b>	<b>711</b>
1	Thạch Lạc	4	18,00	7,2	2	18,00	4			-			0	1	9	0,9	2	12	2,4
2	Đông Tiến	4	18,00	8	4	18,00	8	9	7,00	6	9	7,00	6			0			0
3	Thạch Khê			-				18	7,60	14	18	7,60	14			0			0
4	Cầm Bình	1	20,00	2	1	20,00	2	2	8,00	2	2	8,00	2			0			0
5	Kỳ Xuân	2	20,00	3	1,5	20,00	3	10	9,50	10	10	9,50	10			0			0
6	Kỳ Anh	10	20,70	21	10	20,70	21	11	9,00	10			0			0			0
7	Kỳ Hoa	2	15,00	2	2	15,00	3			-			0			0			0
8	Kỳ Văn			-				5	9,78	4	6	9,78	6			0			0
9	Kỳ Khang	30	19,80	59	30	19,80	59	10	9,50	10	10	9,50	10			0			0
10	Kỳ Lạc	10	6,67	7	30	26,00	78	14	9,00	12	34	10,00	34			0			0
11	Kỳ Thượng			-				20	9,00	18	13,5	10,00	14						0
12	Cầm Xuyên	4	20,00	8	4	20,00	8	13	9,00	11	13	10,00	13						0
13	Thiên Cầm	4	19,14	8	4,5	26,00	12	8	8,77	7	7,5	9,50	7						0

14	Cắm Duệ	28	19,50	55	27	26,00	70	26	9,20	24	26	10,00	26	10,5	8	8,4	5	8	4
15	Cắm Hưng	52	22,50	117	52	22,50	117	20	9,00	18	19	11,00	21			0			0
16	Cắm Lạc	23	23,00	53	21,5	23,00	49,45	25	9,50	24	22,7	9,50	22	16,3	6,5	10,6	9,5	6,5	6,175
17	Cắm Trung	2	15,00	3	2	15,00	3	13	7,00	9	13	9,50	12			0			0
18	Yên Hòa	14	19,21	27	14	19,21	27	10	8,90	9	15	9,20	13			0			0
19	Thạch Hà	5	20,00	10	5	20,00	10	7	7,00	5	7	7,00	5	3	8	2,4	3	8	2,4
20	Toàn Lưu	6	15,00	9	6	15,00	9	22	9,00	20	22	10,00	22			0			0
21	Việt Xuyên	10	24,00	24	4	24,00	9,6	6	7,00	4	6	7,00	4			0			0
22	Đông Kinh	10	20,00	20	10	20,00	20	7	8,00	6	7	8,00	6			0			0
23	Thạch Xuân	10	18,00	18	10	18,00	18	5	8,00	4	3	7,00	2			0			0
24	Lộc Hà			-			0	10	8,00	8	10	8,00	8	40	2,8	11,2	30	6	18
25	Hồng Lộc	5	15,00	8	5	15,00	7,5	5	8,00	4	5	8,00	4			0			0
26	Mai Phụ	21	0,00	-	10,5	15,00	15,75	8,5	8,00	7	8,5	8,00	7	100	2,8	28	100	6	60
27	Can Lộc	18	11,67	21				57	9,70	55	57	11,00	63	10		0			0
28	Tùng Lộc	2	11,70	2			0,0	14	9,50	13	13	12,00	16	11	12	13,2	12	12	14,4
29	Gia Hanh	5	15,00	8	7,2	15,00	10,8	5	10,00	5			0	0,5	10	0,5	7,2	10,5	7,56
30	Trường lưu	3,1	12,00	4				13,4	10,50	14	13,4	12,00	16			0			0
31	Xuân Lộc	0		-	0		0,0	9,6	11,00	11	15	12,70	19			0			0
32	Đồng Lộc	4,5	10,33	5			0,0	16	10,90	17	16	11,00	18	5,29	3	1,587	6	6	3,6
33	Tiên Điền	0		-				30	10,00	30	30	10,00	30	13,37	5	6,685			0
34	Nghi Xuân			-				7	9,00	6	9	9,00	8						0

35	Cổ Đạm			-				4	10,00	4	4	10,00	4	4	5	2			0
36	Đan Hải	0		-				12	10,00	12	12	12,00	14	33,5	8	26,8	35	8,4	29,4
37	Đức Thọ			-				55	8,00	44	50	12,00	60	20	8	16	87,5	9	78,75
38	Đức Đồng			-				128	10,50	134	70	12,00	84	4,6	7	3,22	70	8	56
39	Đức Quang			-				162	10,20	165	130	13,00	169	15	5	7,5	32	13	41,6
40	Đức Thịnh			-				8	9,00	7	12	12,00	14	8	7,3	5,84	12	7,5	9
41	Đức Minh	10	15,00	15	10	22,00	22,0	262	10,30	270	110	11,00	121	50	8	40	90	9	81
42	Hương sơn	5	12,00	6	2	12,00	2,4	112	9,87	111	123	8,50	105			0			0
43	Sơn Tây			-				10	9,00	9	10	10,00	10			0			0
44	Tứ Mỹ	2,5	18,00	5				93	9,50	88	93	10,00	93	8	6,5	5,2	8	6,5	5,2
45	Sơn Giang			-				55	8,00	44	55	10,00	55			0			0
46	Sơn Tiến	3	13,00	4	3	13,00	3,9	120	8,90	107	120	10,00	120	3	10	3	3	10	3
47	Sơn Hồng			-				10	10,50	11	10	11,00	11			0			0
48	Kim Hoa			-				75	10,20	77	75	11,00	83	7	5	3,5			0
49	Vũ Quang			-				9	9,50	9	9	10,50	9			0			0
50	Mai Hoa			-				33	9,62	32	34	10,00	34			0			0
51	Thượng Đức			-				37	8,00	30	40	8,00	32						0
52	Hương Khê	4	20,00	8	4	20,00	8	57	9,00	51	57	9,00	51	7	9	6,3	7	9	6,3
53	Hương Phố	20	25,00	50	20	25,00	50	70	9,00	63	30	10,00	30	127	8	101,6	100	10	100
54	Hương Đô	0	0,00	-				111	7,50	83	70	7,50	53	25	6	15	23	7,6	17,48
55	Hà Linh	2	20,00	4	2	20,00	4	75	8,00	60	50	8,00	40	168	8,6	144,5	170	8	136

56	Hương Bình	1	22,00	2	1	22,00	2,2	87	8,00	70	87	8,00	70	30	8	24	31,4	8,5	26,69
57	Phúc Trạch			-				29	10,00	29	25	10,00	25	2,5	8	2	2	9	1,8
58	Hương Xuân	8	22,00	18	8	22,00	17,6	87	10,00	87	87	10,00	87	23	5	11,5			0
59	Sơn Kim 1	0		-				5	11,00	6	5	12,00	6			0			0
60	Sơn Kim 2	10	20,00	20			0	1	10,00	1	1	10,00	1			0			0
61	Thành Sen	1	15	2	1	15,00	1,5	2	7,64	2	2	7,70	2			0			0
62	Trần Phú	2	15,00	3			0			-			0			0			0
63	Hà Huy Tập	4	16,00	6	4	18,00	7,2	3	7,50	2	8	7,50	6			0			0
64	Vũng Áng			-				3	1,00	0,3	1	4,00	0,4	2,5	2	0,5			0
65	Sông Trí	0,6	27,00	2			0	1	9,00	1	0,5	9,00	0						0
66	Hoành Sơn	10	16,00	16	7,5	20,00	15	4	8,00	3	2,5	12,00	3	5	6	3			0
67	Hải Ninh	0,7	20,00	1	0,7	20,00	1,4	1	9,00	1	1	9,00	1			0			0
68	Bắc Hồng Lĩnh			-						-			0			0			0
69	Nam Hồng Lĩnh	0		-						-			0			0			0

**PHỤ LỤC 5: LỊCH THỜI VỤ HÈ THU 2026**

<b>TT</b>	<b>Tên giống</b>	<b>TGST</b>	<b>Thời gian bắc mạ</b>	<b>Thời gian gieo thẳng</b>
1	Nếp 98, Nếp 87, Nếp 97, Bắc Thịnh, Hà Phát 3, Thiên ưu 8, VNR20, Hana số 7, ADI168, ĐB6, RVT, BQ, Hana 318, DT82, AYT77, DT39 Quế Lâm, Hương Cốm 4, Hương Bình, DK6, Thái Xuyên 111, Nhị ưu 838	100-110 ngày	Trước 25/5	Trước 25/5
2	PC6, BT09, HN6, Xuân mai, Khang dân đột biến, Khang dân 18, TH3-5, Lai thơm 6, HG12, TBR97, TBR87.	dưới 100 ngày	Trước 05/6	Trước 05/6

**PHỤ LỤC 6: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT DỪA NĂM 2026**

STT	Xã, phường	Diện tích đã trồng đến 4/2026 (ha)			Kế hoạch sản xuất dứa đến hết năm 2026 (ha)		
		Tổng (ha)	Trong đó:		Tổng (ha)	Trong đó:	
			Diện tích trồng trên đất của hộ dân	Diện tích trồng trên đất của Công ty cổ phần chăn nuôi Bình Hà		Diện tích trên đất Nông nghiệp	Diện tích trên đất Lâm nghiệp (có thể trồng Dứa)
<b>Tổng</b>		<b>378,04</b>	<b>61,04</b>	<b>320</b>	<b>653,3</b>	<b>204,3</b>	<b>449,5</b>
1	Thạch Khê				20		20
2	Cẩm Xuyên	160	10	150	300		300
3	Cẩm Lạc	20		20	5	5,0	
4	Cẩm Duệ	20		20			
5	Hồng Lộ				100		100
6	Trường Lưu				10	10,0	
7	Sơn Tây				3	3,0	
8	Kim Hoa	3					
9	Vũ Quang	4,72	4,72		10	5,0	5
10	Thượng Đức	4,61	4,61				
11	Hương Bình				2,5	2,5	
12	Hương Xuân	5	5				
13	Kỳ Văn	35		35	100	100,0	
14	Kỳ Thượng				5	3,5	
15	Tiên Điền				10	10	
16	Kỳ Khang				5	5	2
17	Cẩm Hưng	2,2	2,2		2,3	2,3	
18	Kỳ Hoa	46,5	21,5	25	33	33	
19	Kỳ Xuân		5		15	15	
20	Kỳ Anh				10	10	
21	Kỳ Lạc	70		70			
22	Mai Hoa	8,01	8,01		22,5		22,5